TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HS-ST
Ngày: 25-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Hải;

2. Bà Vòng Cảnh Mỹ Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1976; tại Bình Dương. Nơi cư trú: Số 2, tổ 4, khu phố 5, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lê Minh Q và bà Nguyễn Thị G (đã chết); bị cáo có chồng tên Nguyễn Thành L (đã chết) và 01 người con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 06/11/2019 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trần Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp H, thị trấn M, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 27/5/2019, Nguyễn Thị Ngọc T đi đến khu vực bến xe An Sương thuộc Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để tìm việc làm nhưng không được. Sau đó, T thuê anh Nguyễn Văn T là tài xế chạy xe ôm Grab để chở T về nhà tại phường T, thành phố Thủ D, tỉnh Bình Dương. Lúc này, anh T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Blade, màu Đỏ- Đen, biển số 83P3-006.17 của anh T chở T đi. Khoảng 13 giờ 30 cùng ngày 27/5/2019, T kêu anh T chở đến quán cà phê Quỳnh Mai thuộc tổ 48, khu 4, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ngồi uống nước và nghỉ ngơi. Sau đó, T nói anh T tiếp tục chở T đi đến xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để đòi nợ nhưng không được. Đến khoảng 17 giờ 30 cùng ngày 27/5/2019, thì cả T và anh T quay lại quán cà phê Quỳnh Mai ngồi uống nước. Trong lúc nói chuyện, T hỏi mượn xe mô tô biển số 83P3-006.17 của anh T để đi mua cơm về cùng ăn thì anh T đồng ý và giao xe cùng chìa khóa xe cho T. Trong lúc đang đi mua cơm, T nhận được điện thoại của người đàn ông tên C (không xác định rõ nhân thân) gọi đến cho T để đòi nợ số tiền 10.000.000 đồng mà T đã mượn, đồng thời C đe dọa nếu T không trả thì sẽ đánh T nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Blade, màu Đỏ- Đen, biển số 83P3-006.17 của anh T đem đi bán lấy tiền trả nợ. Thực hiện ý định trên, T điều khiển xe này đi thẳng đến biên giới cửa khẩu Mộc Bài thuộc huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và bán xe mô tô trên cho một người đàn ông (không xác định rõ nhân thân) với giá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Sau đó, T dùng số tiền bán xe để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Đối với anh Nguyễn Văn T, sau khi cho Nguyễn Thị Ngọc T mượn xe đi được khoảng 20 phút và không thấy T quay lại trả nên đã làm đơn tố cáo gửi đến Công an phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Đến ngày 26/6/2019, anh T phát hiện T đang có mặt tại Bến xe An Sương nên đã đưa T về trụ sở Công an phường Tương Bình Hiệp để làm việc. Cùng ngày 26/6/2019, Công an phường Tương Bình Hiệp tiến hành lập hồ sơ vụ việc và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một để xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 18/7/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một có Bản kết luận định giá tài sản số 221/KLTS-TTHS, định giá 01 (Một) xe mô tô hiệu Honda Blade, màu Đỏ- Đen, biển số 83P3-006.17 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá là 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Đối với người đàn ông (không xác định được họ tên, địa chỉ) là người đã mua xe mô tô hiệu Honda Blade, màu Đỏ- Đen, biển số 83P3-006.17 mà T đã bán tại cửa khẩu Mộc Bài, quá trình điều tra T đều khai nhận không rõ họ tên và địa chỉ cư trú của người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một không có căn cứ để làm rõ và thu hồi chiếc xe bị chiếm đoạt.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade, màu Đỏ- Đen, biển số 83P3-006.17, số khung: 3649GY007151, số máy: JA36E0415130 do chị Trần Thị T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe (Chị T là vợ anh Nguyễn Văn T). Chị T khai nhận chiếc xe mô tô trên là tài sản chung của hai vợ chồng mua vào tháng 02/2017 và giao cho anh T để chạy Grab. Xe mô tô hiệu Honda Blade, màu Đỏ-

Đen, biển số 83P3-006.17, số khung: 3649GY007151, số máy: JA36E0415130 do T đã bán cho một người đàn ông không xác định được nhân thân lai lịch nên đến nay xe vẫn chưa thu hồi được. Ngày 06/8/2019, Nguyễn Thị Ngọc T đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và hiện nay vợ chồng anh T có đơn bãi nãi, xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Thị Ngọc T và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Cáo trạng số 34/CT-VKS – HS ngày 08/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Do Bị hại ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T không yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về vật chứng của vụ án: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 27/5/2019, tại quán cà phê Quỳnh Mai thuộc tổ 48, khu 4, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Thị Ngọc T sau khi mượn được xe mô tô hiệu Honda Blade, màu Đỏ- Đen, biển số 83P3-006.17 trị giá 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng) của anh Nguyễn Văn T, T đã chiếm đoạt mang đi bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu

trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại nơi bị cáo gây án. Bị cáo ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; các Điều 136, 260 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 08 (Tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/11/2019.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Sinh